

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày: 23/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Tùng.

2. Bà Hà Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST- HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Lang Văn T - sinh ngày 16/4/1999, tại xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: Thôn Nh, xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lang Văn Th (đã chết) và bà Lương Thị Kh; Có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con, sinh năm 2020.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thường Xuân (Có mặt);

2. Người làm chứng: Chị Lương Thị Ch – sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Đăng C – sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TN, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn L – sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TH, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phan Thị Nhung – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh số 6 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 10 phút, ngày 06/8/2020 tại thôn Thống Nhất, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tổ công tác Công an huyện Thường Xuân phối hợp với Ban công an xã Luận Thành, huyện Thường Xuân phát hiện, kiểm tra bắt quả tang Lang Văn T, sinh năm 1999 trú tại thôn Nh, xã LK, huyện TX đi xe mô tô YAMAHA, màu xanh, biển kiểm soát 36M1 – 142.99 cất giấu 01 gói nilon trong suốt, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng dạng đá để trong ví da màu đen, khi bị bắt Lang Văn T khai nhận 01 gói chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá cất giấu để sử dụng dần. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên.

Quá trình điều tra Lang Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 05/8/2020 Lang Văn T đi nhờ xe mô tô của một người thanh niên không quen biết từ nhà ở thôn Nh, xã LK, huyện Thường Xuân đến đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, T xuống xe đi bộ vào đến gần trụ sở UBND xã Xuân Phú gặp và hỏi một người đàn ông có dáng gầy, cao 1,7m không biết tên, tuổi, địa chỉ và hỏi “Có ma túy đá không bán cho ít”, người đàn ông trả lời “Mua nhiều không”, T nói “Bán cho 300.000 đồng”. Nói xong T đưa 300.000đ và nhận lại 01 gói ma túy đá từ người đàn ông rồi bỏ vào ví da màu đen, sau đó đi bộ ra đường Hồ Chí Minh xin đi nhờ xe về nhà ngủ. Sáng ngày 06/8/2020, Lang Văn T xin đi nhờ xe của người đi qua đường ra quán Internet Đức Cường ở thôn Thống Nhất, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân để chơi điện tử, sau đó T mượn xe mô tô YAMAHA – EXCTTER biển số 36M1 – 142.99 của anh Lò Văn L, sinh năm 1996 ở thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân đến quán Karaoke X6 ở cùng thôn để đón Lương Thị Ch, sinh năm 2001 là nhân viên của quán đi uống nước. Khi Lang Văn T đang chở Lương Thị Ch đi trên đoạn đường thuộc thôn Thống Nhất, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân thì bị tổ công tác Công an huyện Thường Xuân phát hiện bắt quả tang đối với T còn Lương Thị Ch tự đi bộ về quán Karaoke X6 để làm việc.

Ngày 06/8/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với 01 gói nilon trong suốt, bên trong có chứa tinh thể màu trắng thu được. Tại bản kết luận giám định số 2140/PC509 ngày 10/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: gói nilon trong suốt chứa tinh thể màu trắng bên trong thu giữ trong ví Lang Văn T là ma túy có trọng lượng 0,146gam, Loại Methamphetamine.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lang Văn T, do không biết tên, tuổi, địa chỉ và đặc điểm nhận dạng, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được lai lịch, nhân thân của đối tượng khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Lò Văn L cho T mượn xe mô tô chở Lương Thị Ch là người đi cùng nhưng L và Ch không biết T tàng trữ trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 chiếc xe mô tô YAMAHA màu xanh, biển kiểm soát 36M1 – 142.99 xác định

là của anh Lò Văn L, sinh năm 1996 ở thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lò Văn L.

Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định là 0,132 gam tiếp tục thu giữ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSTX ngày 05 tháng 10 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố bị cáo Lang Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1,5 Điều 249 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Lang Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Áp dụng: điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/8/2020; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ được và buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS cho bị cáo. Đề nghị HĐXX cân nhắc xem xét xử bị cáo một mức án thấp của khung hình phạt cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội; về án phí, xử lý vật chứng đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm người công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy thu giữ được trong quá trình bắt quả tang là 0,146g (Không phải một bốn sáu gam) Methamphetamine; căn cứ vào các tài liệu thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân; bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo*:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng TNHS: Không.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Phân tích quan điểm của người bào chữa cho bị cáo*: Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp của khung hình phạt. Xét đề nghị của người bào chữa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] *Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân thực hành quyền công tố tại phiên tòa áp dụng đối với bị cáo*: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí và xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

[7] *Về hình phạt* : Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, để bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét điều kiện kinh tế của bị cáo thì thấy bản thân bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định; điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành án. Do vậy không cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS.

[8] *Về các tình tiết khác trong vụ án*: Bị cáo khai có mua ma túy với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực gần UBND xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác minh, nếu có căn cứ sẽ giải quyết bằng một vụ án khác;

[9] *Về xử lý vật chứng:*

+ 01 Phong bì niêm phong hoàn mẫu giám định bên trong chứa 0,132g(Không phải một ba hai gam) Methamphetamine là mẫu vật còn lại sau giám định. Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tước tiêu hủy;

[10] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015;

1. *Tuyên:* Bị cáo **Lang Văn T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

2. *Xử phạt:* Bị cáo Lang Văn T 16(mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/8/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ các điểm c khoản 1, Điều 47 BLHS 2015; điểm a khoản 2, Điều 106 BLTTHS 2015. *Tuyên:*

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì dán kín, niêm phong do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành bên trong có chứa Methamphetamine là mẫu vật còn lại sau giám định.

Vật chứng này có đặc điểm thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 08/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

4. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 BLTTHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 19/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Thường Xuân;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Thường Xuân;
- Nhà tạm giữ CA huyện Thường Xuân;
- Lưu HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ

